

Bản án số: 18/2017/DSST

Ngày 01-8-2017

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Tha

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão

2. Ông Trương Minh Mẫn

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khắc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Đặng Minh S – Có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

*Bị đơn:* Ông Y B Niê – Có mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 – Có mặt

2. NLQ2 – Có mặt

3. NLQ3 – Có mặt

4. NLQ4 – Có mặt

5. NLQ5 – Có mặt

Cùng địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

6. NLQ6 – Có mặt

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*Người làm chứng:* NLC - Vắng mặt (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*Người phiên dịch:* Ông Y L Niê – Thư ký tòa án – Có mặt

Địa chỉ: Buôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 10/02/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đặng Minh S trình bày:* Tôi và ông Y B quen biết nhau nên vào ngày 12/01/2017 vợ chồng ông Y B có vay của tôi số tiền 965.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả là 10 ngày, không thỏa thuận về lãi suất. Giấy vay tiền được lập thành 02 bản do tôi viết, đối với giấy vay do tôi giữ thì tôi yêu cầu ông Y B ký và đi kèm chỉ, các thành viên gia đình ông Y B là NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 ký và đi kèm chỉ phía sau của giấy vay tiền với tư cách làm chứng. Đối với giấy vay tiền do ông Y B giữ thì chỉ có chữ ký của tôi. Đến nay vợ chồng ông Y B chưa trả cho tôi khoản tiền vay trên. Nay tôi đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Y B phải trả cho tôi số tiền là 965.000.000đ, về tiền lãi thì tôi không yêu cầu.

*Biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2017 và trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông Y B trình bày:*

Tôi không chấp nhận lời trình bày của ông S; tôi không vay tiền của ông S mà do ông S tự viết giấy vay tiền và ép tôi cùng vợ là NLQ1 và các con tôi là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 ký tên, đi kèm chỉ vào giấy vay tiền ngày 12/01/2017, lúc đó tôi chưa kịp đọc nội dung giấy vay này, đối với số nợ này theo tôi là do các con tôi là bà NLQ2, NLQ3, NLQ4 vay của NLQ6 số tiền 723.000.000đ và NLQ2, NLQ3 vay của ông S số tiền 240.000.000đ. Ông S cộng dồn số nợ này viết một giấy nợ mới và bắt tôi và gia đình tôi ký xác nhận với tổng số nợ là 965.000.000đ. Nay ông S khởi kiện đòi vợ chồng tôi số tiền trên tôi không chấp nhận vì tôi không có vay tiền của ông S.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2, NLQ3, NLQ4 trong quá trình tiến hành tố tụng trình bày:*

Chúng tôi đồng ý với ý kiến của bố tôi là ông Y B và không có ý kiến gì bổ sung. Vì NLQ2, NLQ3 có vay tiền của ông S là 240.000.000đ (việc vay tiền này không có giấy vay) và NLQ2, NLQ3, NLQ4 vay của NLQ6 là 723.000.000đ nên chúng tôi đồng ý chuyển số nợ này cho ông S. Đối với số nợ 723.000.000đ của NLQ6 thì vào ngày 15/3/2017 chúng tôi đã trả đủ cho NLQ6 và NLQ6 đã trả lại các giấy vay tiền cho chúng tôi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ5 trong quá trình tiến hành tố tụng trình bày:*

Chúng tôi đồng ý với ý kiến của bố và chồng tôi là ông Y B, khi đó ông S bảo chúng tôi ký tên vào giấy vay tiền thì chúng tôi ký, chúng tôi chưa hề được đọc lại nội dung như thế nào.

*Người liên quan bà NLQ6 trong quá trình tiến hành tố tụng trình bày:*

Đối với số nợ của NLQ2, NLQ3, NLQ4 vay của tôi số tiền là 723.000.000đ đã trả đủ cho tôi vào ngày 15/3/2017, ngày 22/3/2017 tôi cũng đã trả các giấy nợ cho những người này. Tôi không có bất cứ thỏa thuận nào với gia đình ông Y B, ông S về việc chuyển số nợ của tôi. Tôi không hề biết việc vay tiền giữa ông S và gia đình ông Y B.

*Người làm chứng NLC trong quá trình tiến hành tố tụng trình bày:*

Vào ngày 12/01/2017 anh S rủ tôi đi cùng và cho tôi biết là đưa tiền cho ông Y B Niê vay để đáo hạn ngân hàng, số tiền anh S cho vay là gần 1.000.000.000 đồng và tôi có chứng kiến việc anh S giao tiền cho gia đình ông Y B và các bên ký vào giấy vay tiền do anh S viết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện CưM'gar cung cấp tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án, nhưng không ra Quyết định là vi phạm.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, bà NLQ6 và bà Lục Thị H chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể: NLQ1, NLQ4, NLQ5 và NLQ6 không tham gia đối chất ngày 20/3/2017. NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, bà NLQ6 và bà Lục Thị H không có mặt tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/3/2017.

Người làm chứng: NLC đã thực hiện đúng quy định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 BLDS năm 2015.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Y B và NLQ1 phải trả cho ông Đặng Minh S số tiền 965.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[ 2]. Về nội dung: Giấy vay tiền lập ngày 12/01/2017 thể hiện vợ chồng ông Y B Niê, NLQ1 vay của ông Đặng Minh S số tiền 965.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày, không tính lãi suất. Đến nay vợ chồng

ông Y B chưa trả khoản tiền vay trên cho ông S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Ông Y B cùng vợ và các con cho rằng không vay tiền của ông S mà ông S tự viết giấy và ép ông cùng vợ là NLQ1 và các con ông là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 ký tên, điền chỉ vào giấy vay tiền ngày 12/01/2017, theo ông là do các con ông là NLQ2, NLQ3, NLQ4 vay của NLQ6 số tiền 723.000.000đ và NLQ2, NLQ3 vay của ông S số tiền 240.000.000đ. Ông S cộng dồn số nợ này viết thành giấy nợ mới và bắt ông và gia đình ký xác nhận với tổng số nợ là 965.000.000đ và đưa cho ông 3 giấy vay tiền của các con ông vay của NLQ6 cụ thể: NLQ2 vay 123.000.000đ, NLQ3 vay 375.000.000đ, NLQ4 vay 225.000.000đ. Nhưng lời khai của ông Y B cùng vợ và các con của ông không được ông S thừa nhận và ông cũng như vợ ông là bà NLQ1 và các con là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 cũng không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho việc này. Mặt khác theo lời khai NLQ2, NLQ3, NLQ4 đã trả nợ cho NLQ6 số tiền 723.000.000đ vào ngày 15/3/2017 và NLQ6 đã trả lại các giấy nợ này, tuy nhiên theo lời khai của NLQ6 không có việc chuyển nợ giữa bà, ông S và gia đình ông Y B; ngày 15/3/2017 NLQ2, NLQ3, NLQ4 đã trả cho bà số tiền 723.000.000đ và bà trả lại các giấy vay tiền lại cho NLQ2, NLQ3, NLQ4 vào ngày 22/3/2017 tại biên bản đối chất ngày 31/5/2017 (BL63- 64). Như vậy lời khai của Ông Y B cùng vợ là bà NLQ1 và các con ông là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Minh S đề nghị Tòa án buộc ông Y B và NLQ1 phải trả cho ông Đặng Minh S số tiền 965.000.000đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Y B Niê, NLQ1 phải chịu án theo quy định của pháp luật:  $36.000.000đ + 3\%(965.000.000đ - 800.000.000đ) = 40.950.000đ$ .

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Đặng Minh Sơn;

Buộc ông Y B Niê và NLQ1 phải trả cho ông Đặng Minh S số tiền là 965.000.000đ ( Chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 13/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Về án phí: Ông Y B Niê và NLQ1 phải chịu án 40.950.000đ (Bốn mươi triệu, chín trăm lăm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Minh S được nhận lại 20.475.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0042493 ngày 10/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật THADS”*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- THADS huyện C;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**ĐỖ VĂN THA**